TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ BUÔN HỒ** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2023/HNGĐ-ST
Ngày 28-7-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Khanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Y Dhiểu Hmŏk và bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Xiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Từ Quốc Quyền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/7/2023, tại Phòng xử án, Toà án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2023/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị Diệu N, sinh năm 1983 – vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Ông Phan Quang Tr, sinh năm 1983 - vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Diệu N trình bày có nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Tr chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã S, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 19/01/2009. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì hai vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi nhau bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên đã ly thân khoảng 3 năm. Nay bà nhận thấy nên tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Tr.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng bà có 02 con chung là cháu Phan Lê Thảo Ng, sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phan

Lê Thục Q, sinh ngày 12/7/2015; sau khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giao cháu Ng và cháu Q cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi đủ tuổi thành niên. Bà không yêu cầu ông Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung

Về tài sản: Bà N chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Quang Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diệu N về quan hệ hôn nhân, về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án*: Ngày 07/4/2023, nguyên đơn nộp đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ kèm theo và văn bản từ chối lựa chọn lựa chọn hòa giải tại Tòa án, ngày 11/4/2023 Tòa án thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, ngày 11/4/2023 nguyên đơn nộp biên lai thu tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý vụ án là đúng quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ là đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Tr đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] *Về yêu cầu của đương sự:*

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tr là hợp pháp được pháp luật bảo vệ, đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 19/01/2009. Sau khi kết hôn, bà N và ông Tr sống hạnh phúc đến năm 2018 thì thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung. Vợ chồng đã sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng.

Kết quả xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà N và ông Tr thì địa phương xác định: Bà N và ông Tr đã sống ly thân.

Như vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tr đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn

nhân không đạt được nên giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Tr là phù hợp với khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Tr có 02 con chung là cháu Phan Lê Thảo Ng, sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phan Lê Thục Q, sinh ngày 12/7/2015; bà N yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng bà N là chính đáng, bản thân cháu Ng và cháu Q cũng có nguyện vọng ở với bà N; đồng thời, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm, bị đơn không đến tham gia tố tụng, không có ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy, giao cho bà N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 cháu Ng và cháu Q cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp với Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4.4] Về tài sản: Bà N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Xét quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 144; Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Diệu N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Diệu N được ly hôn với ông Phan Quang Tr.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Phan Lê Thảo Ng, sinh ngày 17/5/2010 và cháu Phan Lê Thục Q, sinh ngày 12/7/2015 cho bà N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên.

Ông Phan Quang Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản: Bà N chưa yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0018486 ngày 11/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- CCTHADS thị xã B;
- UBND xã S, huyện H, tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Khanh